

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM MẠNH YẾN  
Đ/c: 91 Yết Kiêu - P.Tân Hưng - TP Hải Phòng  
SĐT: 0374.116.906 - Ms Yến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

TRƯỜNG TH GIA LƯƠNG

THỰC ĐƠN BÁN TRÚ TUẦN 10 NĂM HỌC 2025 - 2026

Tuần 10 tháng 11 năm học 2025-2026

Tuần 10 ( Từ ngày 10/11 đến ngày 14/11 năm 2025 )

| Thứ/ngày     | STT | Món ăn                  | Diễn giải         | Định lượng(gr) | Đơn giá | Thành Tiền | Chi phí phụ |       | TỔNG   |
|--------------|-----|-------------------------|-------------------|----------------|---------|------------|-------------|-------|--------|
| Thứ 2/10-11  | 1   | Thịt băm rang           | Thịt săn mông vai | 64             | 125,000 | 8,000      | Chất đốt    | 1,000 |        |
|              | 2   | Trứng đảo toi           | Trứng vịt         | 35             | 62,000  | 2,170      | Nhân công   | 2,000 |        |
|              | 3   | Canh mồng toi nấu cà ra | Mồng toi          | 32             | 18,000  | 576        | Thuế        | 1,482 |        |
|              |     |                         | Cà ra             | 8              | 160,000 | 1,280      | Khấu hao    | 300   |        |
|              | 4   | Cơm trắng               | Gạo tẻ            | 110            | 19,000  | 2,090      |             |       |        |
|              | 5   |                         | Rau thơm          | 2.9            | 35,000  | 102        |             |       |        |
|              | 6   |                         | Gia vị các loại   | 10             | 100,000 | 1,000      |             |       |        |
|              |     | Tổng                    |                   |                |         | 15,218     |             | 4,782 | 20,000 |
| Thứ/ngày     | STT | Món ăn                  | Diễn giải         | Định lượng(gr) | Đơn giá | Thành Tiền | Chi phí phụ |       | TỔNG   |
| Thứ 3/ 11-11 | 1   | Gà chiên                | Gà CN bỏ cđcc     | 95             | 87,000  | 8,265      | Chất đốt    | 1,000 |        |
|              | 2   | Đậu rán rim             | Đậu phụ           | 50             | 32,000  | 1,600      | Nhân công   | 2,000 |        |
|              | 3   | Bí xanh nấu thịt gà     | Bí xanh           | 70             | 18,000  | 1,260      | Thuế        | 1,482 |        |
|              |     |                         | Gà CN cđcc        | 10             | 87,000  | 870        | Khấu hao    | 300   |        |
|              | 4   | Cơm trắng               | Gạo tẻ            | 110            | 19,000  | 2,090      |             |       |        |
|              | 5   |                         | Rau thơm          | 3.8            | 35,000  | 133        |             |       |        |
|              | 6   |                         | Gia vị các loại   | 10             | 100,000 | 1,000      |             |       |        |
|              |     | Tổng                    |                   |                |         | 15,218     |             | 4,782 | 20,000 |
| Thứ/ngày     | STT | Món ăn                  | Diễn giải         | Định lượng(gr) | Đơn giá | Thành Tiền | Chi phí phụ |       | TỔNG   |
| Thứ 4/12-11  | 1   | Thịt kho trứng cút      | Thịt lợn          | 50             | 125,000 | 6,250      | Chất đốt    | 1,000 |        |
|              |     |                         | Trứng cút trắng   | 25             | 80,000  | 2,000      | Nhân công   | 2,000 |        |
|              | 2   | Khoai tây xào thịt      | Khoai tây         | 46             | 32,000  | 1,472      | Thuế        | 1,482 |        |
|              |     |                         | Thịt nạc xay      | 8              | 125,000 | 1,000      | Khấu hao    | 300   |        |
|              | 3   | Canh cải thảo nấu xương | Cải thảo          | 28             | 18,000  | 504        |             |       |        |
|              |     |                         | Xương lợn         | 9              | 88,000  | 792        |             |       |        |

|                 |            |                          |                  |                       |                |                   |                    |              |               |
|-----------------|------------|--------------------------|------------------|-----------------------|----------------|-------------------|--------------------|--------------|---------------|
|                 | 4          | Cơm trắng                | Gạo tẻ           | 110                   | 19,000         | 2,090             |                    |              |               |
|                 | 5          |                          | Rau thơm         | 3.15                  | 35,000         | 110               |                    |              |               |
|                 | 6          |                          | Gia vị các loại  | 10                    | 100,000        | 1,000             |                    |              |               |
|                 |            | <b>Tổng</b>              |                  |                       |                | <b>15,218</b>     |                    | <b>4,782</b> | <b>20,000</b> |
| <b>Thứ/ngày</b> | <b>STT</b> | <b>Món ăn</b>            | <b>Diễn giải</b> | <b>Định lượng(gr)</b> | <b>Đơn giá</b> | <b>Thành Tiền</b> | <b>Chi phí phụ</b> |              | <b>TỔNG</b>   |
| Thứ 5/13-11     | 1          | Tôm chiên                | Tôm biển         | 35                    | 210,000        | 7,350             | Chất đốt           | 1,000        |               |
|                 | 2          | Trứng bác                | Trứng vịt        | 40                    | 62,000         | 2,480             | Nhân công          | 2,000        |               |
|                 |            |                          | Cà chua          | 11                    | 25,000         | 275               | Thuế               | 1,482        |               |
|                 | 3          | Canh bí đỏ nấu xương     | Bí đỏ            | 57                    | 18,000         | 1,026             | Khấu hao           | 300          |               |
|                 |            |                          | Xương lợn        | 10                    | 87,000         | 870               |                    |              |               |
|                 | 4          | Cơm trắng                | Gạo tẻ           | 110                   | 19,000         | 2,090             |                    |              |               |
|                 | 5          |                          | Rau thơm         | 3.64                  | 35,000         | 127               |                    |              |               |
|                 | 6          |                          | Gia vị các loại  | 10                    | 100,000        | 1,000             |                    |              |               |
|                 |            | <b>Tổng</b>              |                  |                       |                | <b>15,218</b>     |                    | <b>4,782</b> | <b>20,000</b> |
| <b>Thứ/ngày</b> | <b>STT</b> | <b>Món ăn</b>            | <b>Diễn giải</b> | <b>Định lượng(gr)</b> | <b>Đơn giá</b> | <b>Thành Tiền</b> | <b>Chi phí phụ</b> |              | <b>TỔNG</b>   |
| Thứ 6/14-11     | 1          | Thịt kho tàu             | Thịt mông sấn    | 67                    | 125,000        | 8,375             | Chất đốt           | 1,000        |               |
|                 | 2          | Bí non xào thịt          | Bí đỏ            | 45                    | 18,000         | 810               | Nhân công          | 2,000        |               |
|                 |            |                          | Thịt nạc xay     | 8.5                   | 125,000        | 1,063             | Thuế               | 1,482        |               |
|                 | 3          | Canh khoai tây nấu xương | Khoai tây        | 50                    | 18,000         | 900               | Khấu hao           | 300          |               |
|                 |            |                          | Xương lợn        | 10                    | 87,000         | 870               |                    |              |               |
|                 | 4          | Cơm trắng                | Gạo tẻ           | 110                   | 19,000         | 2,090             |                    |              |               |
|                 | 5          |                          | Rau thơm         | 3.15                  | 35,000         | 110               |                    |              |               |
|                 | 6          |                          | Gia vị các loại  | 10                    | 100,000        | 1,000             |                    |              |               |
|                 |            | <b>Tổng</b>              |                  |                       |                | <b>15,218</b>     |                    | <b>4,782</b> | <b>20,000</b> |

**Hiệu Trưởng Duyệt**



**Phạm Thị Lý**

|                          |                |
|--------------------------|----------------|
| <b>Tổng tiền</b>         | <b>100,000</b> |
| <b>5 ngày</b>            | <b>5</b>       |
| <b>thành tiền 1 suất</b> | <b>20,000</b>  |

**Người Lập Thực Đơn**

**Đinh Thị Hương Giang**



| THỰC ĐƠN BÁN TRÚ TUẦN 10 THÁNG 11.2025            |                            |                            |                           |                                   |                            |
|---------------------------------------------------|----------------------------|----------------------------|---------------------------|-----------------------------------|----------------------------|
| Tuần 10 ( Từ ngày 10/11 đến ngày 14/11 năm 2025 ) |                            |                            |                           |                                   |                            |
| STT                                               | THỨ 2<br>(Ngày 10/11/2025) | THỨ 3<br>(Ngày 11/11/2025) | THỨ 4<br>(Ngày12/11/2025) | THỨ 5<br>(Ngày 13/11/2025)        | THỨ 6<br>(Ngày 14/11/2025) |
| Món chính                                         | Thịt băm rang              | Gà chiên                   | Thịt kho trứng cút        | Tôm chiên                         | Thịt kho tàu               |
| Món phụ                                           | Trứng rán                  | Đậu rán rim                | Khoai tây xào             | Trứng bác                         | Bí đỏ non xào+ thịt        |
| Món canh                                          | Canh mồng toi+ Cà ra       | Bí xanh+ thịt gà           | Canh cải thảo+ thịt       | Canh bí đỏ+ xương                 | Canh khoai tây+ xương      |
| Cơm                                               | Cơm trắng                  | Cơm trắng                  | Cơm trắng                 | Cơm trắng                         | Cơm trắng                  |
|                                                   |                            |                            |                           | Tân Hưng ngày 7 tháng 11 năm 2025 |                            |
|                                                   |                            |                            |                           |                                   |                            |
| HIỆU TRƯỞNG DUYỆT                                 |                            |                            |                           | NGƯỜI PHỤ TRÁCH                   |                            |
|                                                   |                            |                            |                           |                                   |                            |
|                                                   |                            |                            |                           |                                   |                            |
|                                                   |                            |                            |                           |                                   |                            |
|                                                   |                            |                            |                           |                                   |                            |
|                                                   |                            |                            |                           | Đinh Thị Hương Giang              |                            |